TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2021/DS-ST
Ngày 02-6-2021
V/v "Tranh chấp chia thừa kế và tranh chấp hợp đồng dân sự về quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Loan**

2. Ông **Nguyễn Trường Hận**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** – Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà **Võ Hồng Luyến** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 tháng 4 và ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 417/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc "Tranh chấp chia thừa kế và tranh chấp hợp đồng dân sự về quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 550/2020/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2020, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số: 03/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 92/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1952 (ủy quyền cho bà L). Trú tại: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1966 (Có mặt phiên tòa ngày 05/4/2021, vắng mặt tại phiên tòa ngày 02/6/2021). Trú tại: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1980 (Có mặt phiên tòa ngày 05/4/2021, vắng mặt tại phiên tòa ngày 02/6/2021). Trú tại: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1962 (Chết ngày 03/12/2019). Trú tại: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ông **Đinh Văn X**, sinh năm 1964 (Vắng mặt), anh **Đinh Văn T**, sinh năm 1982 (Vắng mặt), anh **Đinh Văn D**, sinh năm 1984

(Vắng mặt), anh **Đinh Văn X**, sinh năm 1986 (Vắng mặt). Cùng trú tại: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Nguyễn Văn T** (Có mặt) - Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1968 (Có mặt). Trú tại: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Nguyễn Thị Lục N**, sinh năm 1980 (Có mặt); Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1984; Chị **Nguyễn Thị O**, sinh năm 1985; Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1987; Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1989; Cùng trú tại: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (P, O, T, D ủy quyền cho bà H).

Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1974 (Yêu cầu xét xử vắng mặt). Trú tại: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Võ T T** (Đề nghị xét xử vắng mặt) - Văn phòng luật sư Võ T Tùng, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L trình bày: Cụ Nguyễn Hữu Hiền (mất năm 1986), cụ Nguyễn Thị Thiêu (mất năm 1970) tạo lập được phần đất 14.849,3m^2, tại ấp Vườn Tre, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời. Khi mất, cụ Hiền và cụ Thiêu không có lập di chúc để giao phần đất 14.849,3m^2 cho ai quản lý, nhưng vợ chồng ông Nguyễn Văn Tâm và bà Nguyễn Thị H tự ý kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 14.849,3m^2. Việc, kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của ông Tâm và bà H là không đúng quy định của pháp luật, vì cụ Hiền và cụ Thiêu không có lập di chúc giao phần đất 14.849,3m^2 cho ông Tâm và bà H, đồng thời các con cụ Hiền, cụ Thiêu không biết việc ông Tâm, bà H kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất này. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế 14.849,3m^2, thửa đất số 409, tờ bản đồ số 15, đất tại ấp Vườn Tre, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, đồng thời điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB445818 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp đứng tên Nguyễn Văn Tâm, bà Nguyễn Thị H ngày 01/7/2010, cho các đồng thừa kế được hưởng từng kỷ phần trong phần đất 14.849,3m^2.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Lục N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị O, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn D trình bày: Phần đất 14.849,3m^2 có nguồn gốc của cụ Nguyễn Hữu Hiền, cụ Nguyễn Thị Thiêu tạo lập. Khi cụ Thiêu mất năm 1970, cụ Hiền sinh sống trên phần đất, đến khoảng năm 1985 cụ Hiền bệnh nặng, không có người chăm sóc, các con của cụ Hiền lập gia đình sinh sống nơi khác, còn vợ chồng bị đơn sinh sống phần đất khoảng 14 công được Nhà nước cấp, đất gần phần đất của cụ Hiền. Cụ Hiền kêu vợ chồng bị đơn bán phần đất này để có tiền, dọn về chăm sóc cụ Hiền, cụ Hiền sẽ tặng cho toàn bộ phần đất của cụ Hiền cho vợ chồng bị đơn. Sau đó, cụ Hiền mất 1986, trước khi mất cụ Hiền tặng cho

toàn bộ phần đất tranh chấp cho bị đơn, không có lập văn bản nhưng có nhiều người chứng kiến, hiểu biết việc cụ Hiền cho đất vợ chồng bị đơn. Sau đó, vợ chồng bị đơn được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A201930 theo Quyết định số: 184/QĐ-UB ngày 08/8/1991, thửa đất số 354, 355, tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299), diện tích 19.000m^2. Ngoài ra, cụ Hiền có dặn vợ chồng bị đơn sau này cho người em tên Nguyễn Thị L 1,5 công đất, vợ chồng bị đơn đã cắt đất cho bà L xong. Vợ chồng bị đơn có chuyển nhượng một phần cho Võ Văn Tuấn, Tạ Hồng Nha, phần đất còn lại là 14.199m^2, được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB445818 ngày 01/7/2010, thửa đất số 409, tờ bản đồ số 15, đến ngày 02/7/2019 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời chỉnh lý cấp đứng tên bị đơn do nhận thừa kế, phần đất còn lại theo đo đạc thực tế có diện tích 14.849,3m^2. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật phần đất 14.849,3m^2, bị đơn không đồng ý, vì phần đất này bị đơn được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng quy định, không còn là di sản của cụ Hiền nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H trình bày: Ngày 11/4/2019 âl, bà có nhận chuyển nhượng của bà H phần đất 1.000m^2 (ngang 10 mét, dài khoảng 100 mét), đất tại ấp Vườn Tre, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời (nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tâm, bà H), giá chuyển nhượng là 585.000.000 đồng, bà có đặt cọc cho bà H 85.000.000 đồng, số tiền còn lại bà và bà H thỏa thuận khi bà H thực hiện xong thủ tục tách quyền sử dụng đất, bà giao đủ số tiền còn lại, đôi bên có lập Giấy giao kèo ngày 11/4/2019 âl. Bà yêu cầu bà Nguyễn Thị H giao phần đất 1.000m^2, bà giao tiếp cho bà H tiền chuyển nhượng còn lại 500.000.000 đồng. Nay, bà H xác định rút lại yêu cầu độc lập ngày 02/3/2020, không còn yêu cầu Tòa án giải quyết tại vụ án này, đồng thời yêu cầu xét xử vắng mặt bà theo quy định của pháp luật.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất 14.849,3m^2, thửa đất số 409, tờ bản đồ số 15, đất tại Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh C ., đồng thời nguyên đơn phải tự chịu chi phí tố tụng, án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa ngày 05/4/2021, đến phiên tòa ngừng ngày 02/6/2021 thì ông T, bà L lại vắng mặt, nhưng có Luật sư Trung (người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T, bà L) đã được tranh luận bảo vệ quyền lợi cho ông T, bà L tại vụ án, nên quyền lợi của ông T, bà L tại vụ án vẫn đảm bảo.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L mất ngày 03/12/2019 (trong giai đoạn Tòa án thụ lý giải quyết), Tòa án đã đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L gồm Đinh Văn X (chồng), Đinh Văn T, Đinh Văn D, Đinh Văn X (các con bà L, ông X) tham gia tố tụng nhưng họ lại vắng mặt phiên tòa lần thứ 02 là từ bỏ yêu cầu khởi kiện của bà L tại vụ án, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng Đinh Văn X, Đinh Văn T, Đinh Văn D, Đinh Văn X) là phù hợp.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H có yêu cầu độc lập và được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật, sau đó bà H lại rút yêu cầu, đồng thời yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu độc lập của bà H tại vụ án.

[4] Tranh chấp của các đương sự được xác định là "Tranh chấp chia thừa kế và hợp đồng dân sự về quyền sử dụng đất" nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng tại khoản 3, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Quá trình sử dụng đất: Ông Nguyễn Văn Tâm (chồng bà H) được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A201930 theo Quyết định số: 184/QĐ-UB ngày 08/8/1991, thửa đất số 354, 355, tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299), diện tích 19.000m^2, tại ấp Vườn Tre, xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời. Ngày 18/8/2003, Phòng Kinh tế huyện Trần Văn Thời chỉnh lý biến động diện tích 1.296m^2 (do ông Tâm chuyển nhượng cho Võ Văn Tuấn), diện tích còn lại của ông Tâm là 17.704m^2. Đến ngày 04/5/2004, ông Tâm xin cấp đổi lại giấy chứng nhận theo bản đồ tọa độ, được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ260886 ngày 18/6/2004, thửa đất số 396, 409, 410, tờ bản đồ số 15, diện tích 19.030m^2. Tiếp tục đến ngày 07/7/2004, Phòng Kinh tế huyện Trần Văn Thời chỉnh lý biến động diện tích 2.592m^2 (do ông Tâm chuyển nhượng cho Tạ Hồng Nha), diện tích còn lại của ông Tâm là 16.438m^2. Đến ngày 17/6/2010 Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Trần Văn Thời chỉnh lý biến động 2.239m^2 (do ông Tâm chuyển nhượng cho Tạ Hồng Nha), đồng thời ông Tâm, bà H xin cấp đổi lại giấy chứng nhận và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB445818 ngày 01/7/2010, thửa đất số 409, tờ bản đồ số 15, diện tích 14.199m^2, đồng thời đến ngày 02/7/2019 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời chỉnh lý cấp cho bà H do nhận thừa kế quyền sử dụng đất và hiện nay phần đất này theo đo đạc thực tế có diện tích 14.849,3m^2.

[6] Xét nguồn gốc đất: Cụ Hiền được Nhà nước cấp phần đất 19.000m^2, số thửa 292, 294, số tờ bản đồ 02, tại ấp Kinh Tư (nay là ấp Vườn Tre), xã Khánh Lộc, huyện Trần Văn Thời, đến khi cụ Thiêu mất (năm 1970), cụ Hiền vẫn sinh sống trên phần đất này. Đến năm 1985, cụ Hiền bệnh nặng, không có người chăm sóc (vì các con của cụ

Hiền có gia đình sinh sống nơi khác), cụ Hiền kêu vợ chồng ông Tâm, bà H bán đất được Nhà nước cấp dọn về lo cho cụ Hiền, cụ Hiền thống nhất giao toàn bộ phần đất (19.000m^2) cho vợ chồng ông Tâm, bà H quản lý sử dụng. Đến năm 1987, Nhà nước có chủ trương điều tra để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì ông Tâm và bà H là người kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A201930 theo Quyết định số: 184/QĐ-UB ngày 08/8/1991, thửa đất số 354, 355, tờ bản đồ số 03 (bản đồ 299), diện tích 19.000m^2. Xét, lời khai của ông Hồ Văn Miền (chồng bà Nguyễn Thị L), ông Lê Quang Chiến (nguyên là Chủ tịch xã Khánh Lộc giai đoạn 1985-1988) xác định khoảng năm 1985, cụ Hiền bệnh nặng không có người chăm sóc, cụ Hiền kêu vợ chồng ông Tâm, bà H bán đất được Nhà nước cấp để về nuôi cụ Hiền, cụ Hiền giao toàn bộ phần đất của cụ Hiền cho vợ chồng ông Tâm, bà H quản lý sử dụng. Mặc khác, ông Miền (chồng bà L) xác định cụ Hiền còn dặn vợ chồng ông Tâm, bà H cho bà L 1,5 công đất, thực tế khi cụ Hiền mất, ông Tâm và bà H đã cắt phần đất này cho bà L xong. Phù hợp với lời khai của những người chứng kiến, hiểu biết như Ngô Văn Sự, Nguyễn Văn Được, Phạm Việt Hùng, Trần Hoàng Kết (BL 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108).

[7] Cho thấy quyền sử dụng đất của cụ Hiền diện tích 19.000m^2, cụ Hiền đã chuyển giao quyền sở hữu cho vợ chồng ông Tâm và bà H, ông Tâm và bà H được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số: 184/QĐ-UB ngày 08/8/1991 là đúng theo Luật Đất đai năm 1987, phần đất này không còn là di sản của cụ Hiền để chia thừa kế. Đồng thời, ông Tâm và bà H đã quản lý phần đất này liên tục từ nhiều năm nay, nên cần áp dụng Án lệ số: 24/2018/AL ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 213; Điều 218; Điều 220; Điều 165; Điều 180; Điều 182; Điều 612; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T, ý kiến tranh luận của Luật sư Trung về việc yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất 14.849,3m^2, thửa đất số 409, tờ bản đồ số 15, đất tại Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh C ., cũng như yêu cầu điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB445818 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp đứng tên Nguyễn Văn Tâm, bà Nguyễn Thị H ngày 01/7/2010, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời chỉnh lý cấp cho bà H do nhận thừa kế quyền sử dụng đất ngày 02/7/2019.

[8] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhận định phù hợp với Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

[9] Về chi phí tố tụng: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T phải tự chịu chi phí tố tụng số tiền 9.615.000 đồng (nguyên đơn đã dự nộp xong).

[10] Về án phí:

[10.1] Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Đinh Văn X, Đinh Văn T, Đinh Văn D, Đinh Văn X) bị đình chỉ (do vắng mặt phiên tòa lần thứ 02) nên số tiền 1.775.000 đồng bà L nộp tại biên lai thu số

0002673 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được sung vào công quỹ Nhà nước.

[10.2] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T, mỗi người phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 7.433.440 đồng (457.508.000 đồng (20.000.000 đồng x 4% (của phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt 800.000.000 đồng) = 22.300.320 đồng/3 = 7.433.440 đồng). Bà D thuộc diện người cao tuổi (có đơn xin miễn) nên miễn nộp cho bà D số tiền 7.433.440 đồng, bà L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 7.433.440 đồng (đối trừ số tiền 1.775.000 đồng dự nộp tại biên lai thu số 0002672 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời) bà L còn phải nộp tiếp số tiền 5.658.440 đồng, ông T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 7.433.440 đồng (đối trừ số tiền 1.775.000 đồng dự nộp tại biên lai thu số 0002674 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời) ông T còn phải nộp tiếp số tiền 5.658.440 đồng.

[10.3] Bà H được nhận lại số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0003357 ngày 03/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3, khoản 5 Điều 26; điểm a, c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 165; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Án lệ số: 24/2018/AL ngày 17/10/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 213; Điều 218; Điều 220; Điều 165; Điều 180; Điều 182; Điều 612; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng Đinh Văn X, Đinh Văn T, Đinh Văn D, Đinh Văn X) về việc yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế 14.849,3m^2, thửa đất số 409, tờ bản đồ số 15, đất tại Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh C ., cũng như yêu cầu điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB445818 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp đứng tên Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H ngày 01/7/2010, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời chỉnh lý cấp cho bà H do nhận thừa kế quyền sử dụng đất ngày 02/7/2019.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H giao phần đất 1.000m^2, đất tại Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh C ., bà H giao tiếp cho bà H tiền chuyển nhượng còn lại 500.000.000 đồng (theo Giấy giao kèo ngày 11/4/2019 âl).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu phân chia thừa kế theo pháp luật

quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế 14.849,3m^2, thửa đất số 409, tờ bản đồ số 15, đất tại Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh C ., cũng như yêu cầu điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB445818 do Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp đứng tên Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị H ngày 01/7/2010, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời chỉnh lý cấp cho bà H do nhận thừa kế quyền sử dụng đất ngày 02/7/2019.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T phải tự chịu chi phí tố tụng số tiền 9.615.000 đồng (đã dự nộp xong).

5. Về án phí:

5.1. Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 1.775.000 đồng của bà Nguyễn Thị L (Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Đinh Văn X, Đinh Văn T, Đinh Văn D, Đinh Văn X) đã dự nộp tại biên lai thu số 0002673 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

5.2. Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch số tiền 7.433.440 đồng (Bằng chữ: Bảy triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn bốn trăm bốn mươi đồng) cho bà Nguyễn Thị D.

5.3. Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 7.433.440 đồng (đối trừ 1.775.000 đồng tại biên lai thu số 0002672 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời), bà L còn phải nộp tiếp số tiền 5.658.440 đồng (Bằng chữ: Năm triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm bốn mươi đồng).

5.4. Buộc ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 7.433.440 đồng (đối trừ 1.775.000 đồng tại biên lai thu số 0002674 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời), ông T còn phải nộp tiếp số tiền 5.658.440 đồng (Bằng chữ: Năm triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm bốn mươi đồng).

5.5. Bà Phan Thị H được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0003357 ngày 03/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

6. Về quyền kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Lục N, anh Nguyễn Văn P, chị Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn D được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L: Ông Đinh Văn X, anh Đinh Văn T, anh Đinh Văn D, anh Đinh Văn X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Về nghĩa vụ thi hành án: "Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (10b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Thành Quang